

Số: 564/BVĐHYD-CS2

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2026

V/v mời chào giá

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 2 kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp thuốc theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự án: Cung cấp thuốc tại Nhà thuốc Cơ sở 2 năm 2026 lần 1;
2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo **Phụ lục** đính kèm;
3. Thời gian cung cấp hàng hóa: 18 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
4. Loại hợp đồng: Đơn giá cố định;
5. Địa điểm thực hiện: Nhà thuốc Cơ sở 2 - Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (201 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh);
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 12 tháng;
7. Yêu cầu về chào giá: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của Bệnh viện;
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: **trước 16 giờ, ngày 13./.02./2026**;
9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:
 - Gửi báo giá online (*file scan bản có chữ ký, đóng mộc và file excel danh mục chi tiết*) qua mail: nhathuocbvdyhcs2@umc.edu.vn;
 - Gửi bản giấy có ký tên của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Văn phòng khoa Dược, Tầng trệt, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 2, 201 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh
- Người liên hệ: DS. Nguyễn Quang Trường, DS. Phạm Nhị Hà Linh
- Số điện thoại: 028.6261.0328
- Thời gian nhận bảng báo giá bản giấy: Từ 08h00 đến 16h30, Thứ Hai đến thứ Sáu, riêng thứ Bảy chỉ nhận hồ sơ đến 11h30.
10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp bao gồm các tài liệu sau:

 - Thư chào giá, bảng chào giá của nhà cung cấp (có ký tên của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu) (nhà cung cấp tách riêng bảng chào giá với bộ hồ sơ còn lại; file excel gửi qua email phải thống nhất nội dung với bản cứng).



- Bộ hồ sơ thông tin nhà cung cấp gồm:
 - + Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực của nhà cung cấp (giấy đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược, GDP còn hiệu lực).
- Bộ hồ sơ thông tin sản phẩm gồm:
 - + Thông báo trúng thầu/ Quyết định trúng thầu/ Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (bắt buộc);
 - + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (giấy phép lưu hành sản phẩm/giấy phép nhập khẩu và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác);
 - + Đối với thuốc kê đơn: Cung cấp tài liệu về giá bán buôn thuốc dự kiến của thuốc chào giá; đơn giá không vượt giá bán buôn thuốc dự kiến còn hiệu lực.
- Điều kiện thanh toán:
 - + Hình thức thanh toán: Chuyển khoản
 - + Giá trị thanh toán: Thanh toán theo đúng giá trị nghiệm thu từng đợt của hai bên.
 - + Thời gian thanh toán: Bệnh viện thanh toán cho công ty trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày Bệnh viện nhận đủ chứng từ thanh toán.
- Lưu ý:
 - + Thuốc đặt theo nhu cầu sử dụng của Bệnh viện trong thời gian thực hiện hợp đồng;
 - + Thông tin của thuốc chào giá (số đăng ký, tên thuốc, ...) và dự kiến giao hàng cần phù hợp với thời gian cung cấp hàng hóa khi cần thực hiện hợp đồng (18 tháng, dự kiến trong năm 2026 - 2027);
 - + Thời gian xem xét hồ sơ: dự kiến 04 tháng kể từ ngày hết hạn nhận báo giá.
 - + Trong thời gian xem xét hồ sơ và/hoặc thời gian thực hiện hợp đồng, Bệnh viện có thể đề nghị nhà thầu đàm phán giảm giá để đảm bảo hiệu quả kinh tế trong quá trình mua sắm.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, CS2.KD (B16-018-2 - nqtruong) (02).

**TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG CƠ SỞ 2**



Hà Mạnh Tuấn

[Handwritten signature]

PHỤ LỤC. DANH MỤC THUỐC MỜI CHÀO GIÁ

(Đính kèm Công văn số 564/BVĐHYD-CS2 ngày 30 tháng 01 năm 2026)

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm	Ghi chú
1	Sulfasalazine	500mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	1	
2	Valsartan + Hydrochlorothiazide	80mg + 12,5mg	Uống	Viên	Viên	1	
3	Progesteron	100mg	Viên đặt âm đạo	Viên đặt âm đạo	Viên	1	
4	Ofloxacin	3mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/ lọ/ ống	1	
5	Adapalen	0,1% (kl/kl)	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Ống/ tuýp	4	
6	Ambroxol hydroclorid	30mg	Uống	Viên	Viên	2	
7	Bilastin	20mg	Uống	Viên	Viên	4	
8	Bismuth oxyd (dưới dạng bismuth subcitrat)	120mg	Uống	Viên	Viên	2	
9	Bismuth subsalicylat	262,5mg	Uống	Viên	Viên	2/4	
10	Cefditoren (dưới dạng Cefditoren Pivoxil)	400mg	Uống	Viên	Viên	4	
11	Cefditoren (dưới dạng Cefditoren Pivoxil)	50mg/1,5g x 1,5g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/lọ/ống/gói	4	
12	Cefradin	250mg/2g x 2g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/lọ/ống/gói	4	
13	Celecoxib	200mg	Uống	Viên	Viên	3	
14	Cilnidipin	10mg	Uống	Viên	Viên	2/4	
15	Cilnidipin	20mg	Uống	Viên	Viên	4	
16	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel bisulfat)	75mg	Uống	Viên	Viên	2	
17	Clopidogrel (dưới dạng clopidogrel bisulfat) + Aspirin	75mg + 75mg	Uống	Viên	Viên	4	
18	Cyproheptadin hydroclorid	4mg	Uống	Viên	Viên	4	
19	Desloratadin	0,5mg/1ml x 30ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/ lọ/ ống	4	
20	Desloratadin	0,5mg/1ml x 120ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/ lọ/ ống	4	
21	Diosmin	600mg	Uống	Viên	Viên	2	
22	Diosmin + Hesperidin	900mg + 100mg	Uống	Viên	Viên	2	

Uet

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm	Ghi chú
23	Empagliflozin	25mg	Uống	Viên	Viên	BDG/2	
24	Enalapril maleat + Hydrochlorothiazid	5mg + 12,5mg	Uống	Viên	Viên	1/2/4	
25	Enalapril maleat + Hydrochlorothiazid	10mg + 25mg	Uống	Viên	Viên	1/2/4	
26	Enalapril maleat + Hydrochlorothiazid	20mg + 12,5mg	Uống	Viên	Viên	2	
27	Etoricoxib	30mg	Uống	Viên	Viên	2/3	
28	Levofloxacin (dưới dạng levofloxacin hemihydrat)	750mg	Uống	Viên	Viên	4	
29	Linagliptin	5mg	Uống	Viên	Viên	2/3	
30	Magnesi lactat dihydrat + Pyridoxin hydroclorid	470mg + 5mg	Uống	Viên	Viên	2/3	
31	Metformin hydroclorid + Sitagliptin (dưới dạng sitagliptin phosphat monohydrat)	500mg + 50mg	Uống	Viên	Viên	2/3	
32	Metformin hydroclorid + Sitagliptin (dưới dạng sitagliptin phosphat monohydrat)	850mg + 50mg	Uống	Viên	Viên	2/3	
33	Metformin hydroclorid + Sitagliptin (dưới dạng sitagliptin phosphat monohydrat)	1000mg + 50mg	Uống	Viên	Viên	2/3	
34	Methocarbamol	500mg	Uống	Viên	Viên	2	
35	Methocarbamol	750mg	Uống	Viên	Viên	2	
36	Methocarbamol + Paracetamol	400mg + 500mg	Uống	Viên	Viên	4	
37	Mirtazapin	30mg	Uống	Viên	Viên	4	
38	N-Acetyl- DL-Leucin	500mg	Uống	Viên	Viên	2	
39	N-acetylcystein	200mg	Uống	Viên	Viên	2	
40	Nhôm hydroxyd gel 20% (tương đương 351,9mg Nhôm hydroxyd) + Magnesi hydroxyd paste 31% (tương đương 400mg Magnesi hydroxyd)+ Simethicon emulsion 30% (tương đương Simethicon 50mg)	(1759,5mg + 1290,32mg + 166,66mg) /15g	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/gói	4	
41	Oseltamivir (tương ứng 98,50 mg oselramivir phosphat)	75 mg	Uống	Viên	Viên	2	
42	Paracetamol	650mg	Uống	Viên	Viên	2	
43	Paracetamol + Codein phosphat hemihydrat	500mg + 10mg	Uống	Viên	Viên	4	
44	Prednisolon (dưới dạng prednisolon natri metasulfobenzoat)	20mg	Uống	Viên	Viên	4	
45	Pregabalin	75mg	Uống	Viên	Viên	3	

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm	Ghi chú
46	Rupatadin (dưới dạng Rupatadin fumarat)	10mg	Uống	Viên	Viên	4	
47	Sitagliptin (dưới dạng sitagliptin phosphat)	50mg	Uống	Viên	Viên	2/4	
48	Tacrolimus (dưới dạng Tacrolimus monohydrat)	1mg/1g x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Ống/ tuýp	4	
49	Tacrolimus (dưới dạng Tacrolimus monohydrat)	0,3mg/1g x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Ống/ tuýp	4	
50	Tacrolimus (dưới dạng Tacrolimus monohydrat)	1mg/1g x 30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Ống/ tuýp	4	
51	Ticagrelor	60mg	Uống	Viên	Viên	4	
52	Ticagrelor	90mg	Uống	Viên	Viên	4	
53	Vinpocetin	5mg	Uống	Viên	Viên	2	
54	Amoxicilin + Sulbactam	875mg + 125mg	Uống	Viên	Viên	4	
55	Solifenacin	10mg	Uống	Viên	Viên	2	
56	Calcium carbonat + Cholecalciferol (Vitamin D3)	1250 mg (tương đương 500mg Calcium) + 250UI	Uống	Viên	Viên	2	
57	Dioctahedral smectit	3g/20ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/gói	4	
58	Flurbiprofen	20mg	Dùng ngoài	Miếng dán	Miếng dán	2	
59	Flurbiprofen	100mg	Uống	Viên	Viên	2/5	
60	Almagat	1,5g/15g	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/gói	4	
61	Dexibuprofen	400mg	Uống	Viên	Viên	1	
62	Dimethicone + Guaiazulene	300mg + 4mg	Uống	Viên nang	Viên	2	
63	Hydroxypropyl methylcellulose 2910 + Dextran 70	(45mg + 15mg)/15ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/ lọ/ ống	5	
64	Insulin người sinh tổng hợp tinh khiết, gồm 2 phần Insulin hòa tan và 8 phần Insulin isophan	100IU/ml x 3ml (20/80)	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/ lọ/ ống	1	
65	N-acetylcystein	600mg	Uống	Viên sủi	Viên	1	
66	Nystatin + Diiodohydroxyquin + Benzalkonium chloride	100.000IU + 100mg + 7mg	Đặt âm đạo	Viên đặt âm đạo	Viên	5	
67	Sacubitril/Valsartan (dưới dạng muối phức hợp sacubitril valsartan sodium 113,103mg)	48,6mg/51,4mg	Uống	Viên	Viên	2	
68	Sacubitril/Valsartan (dưới dạng muối phức hợp sacubitril valsartan sodium 56,551mg)	24,3mg/25,7mg	Uống	Viên	Viên	2	
69	Levodopa + Carbidopa	250mg + 25mg	Uống	Viên	Viên	2/5	

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm	Ghi chú
70	Almagat	500mg	Uống	Viên	Viên	4	
71	Benazepril hydrochloride	10mg	Uống	Viên	Viên	4	
72	Calcium citrat + Cholecalciferol (Vitamin D3)	750mg + 4mg	Uống	Viên	Viên	2	
73	Cholin alfoscerat	400mg	Uống	Viên nang	Viên	4	
74	Ciprofibrate	100mg	Uống	Viên nang	Viên	4	
75	Irbesartan	300mg	Uống	Viên	Viên	3	
76	Iron Polysaccharide Complex (Iron (III) Hydroxide Polysaccharide Complex) (Tương đương 150mg sắt nguyên tố)	150mg	Uống	Viên nang	Viên	4	
77	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	(800,4mg + 612mg + 80mg)/15g	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/ lọ/ ống/ gói	4	
78	Nebivolol (dưới dạng Nebivolol hydrochlorid) + Hydrochlorothiazid	5mg + 12,5mg	Uống	Viên	Viên	4	
79	Prasugrel (dưới dạng Prasugrel hydrochlorid)	5mg	Uống	Viên	Viên	2	
80	Tenoxicam	20mg	Uống	Viên nang	Viên	1	
81	Terbutalin sulfat	5mg/2ml	Khí dung	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Chai/lọ/ống/gói	4	
82	Dienogest	2mg	Uống	Viên	Viên	1	
83	Drospirenone + Ethinylestradiol	3mg + 0,03mg	Uống	Viên	Viên	1	
84	Ethinylestradiol + Chlormadinon acetat	0,03mg + 2mg	Uống	Viên	Viên	1	
85	Ethinylestradiol + Desogestrel	0,03mg + 0,15mg	Uống	Viên	Viên	1	
86	Ethinylestradiol + Desogestrel	0,02mg + 0,15mg	Uống	Viên	Viên	1	
87	Diclofenac	1%/30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/ lọ/ ống/ tuýp	5	
88	Nebivolol (dưới dạng Nebivolol hydrochloride)	10mg	Viên	Viên	Viên	2	
89	Acid ascorbic + Calcium carbonat + Lysin HCl (tương đương Calci ascorbat 250mg/5ml, DL-lysin ascorbat 250mg/5ml)	(72,4mg + 12,8mg + 28,33mg)/ml x 10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/gói	4	
90	Albendazole	200mg/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/gói	4	
91	Alverin citrat + Simethicon	40mg + 100mg	Uống	Viên nang	Viên	4	
92	Ambroxol hydrochlorid	15mg/5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/gói	4	

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm	Ghi chú
93	Amoxicilin + Kali Clavulanat	875mg + 125mg	Uống	Viên hòa tan nhanh	Viên	4	
94	Amoxicilin + Kali Clavulanat	500mg + 125mg	Uống	Viên hòa tan nhanh	Viên	4	
95	Bacillus clausii	$1 \times 10^9 - 2 \times 10^9$ cfu	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/lọ/ống/gói	4	
96	Đồng sulfat khan + Natri Fluorid	40mg + 40mg	Dùng ngoài	Viên sủi	Viên	4	
97	Entecavir	1mg	Uống	Viên	Viên	3	
98	Ezetimibe + Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calcium trihydrat)	10mg + 10mg	Uống	Viên	Viên	5	
99	Vincamine + Rutin	20mg + 40mg	Uống	Viên	Viên	4	
100	Montelukast	10mg	Uống	Viên	Viên	1	
101	Atorvastatin + Ezetimibe	40mg + 10mg	Uống	Viên	Viên	4	
102	Cholin alfoscerat	600mg/7ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/gói	4	
103	Diclofenac sodium (dưới dạng Diclofenac diethylammonium)	1g/100g (1% w/w) x 60ml	Dùng ngoài	Thuốc xịt ngoài da	Chai/ lọ/ ống	BDG/1/2/3/4/5	
104	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	250mg	Uống	Viên	viên	BDG/1/3/4/5	
105	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	500mg	Uống	Viên	viên	BDG/1/2/3/4/5	
106	Biotin (Vitamin H)	5mg	Uống	Viên	Viên	BDG/1/2/3/4/5	
107	Cao toàn phần không xà phòng hóa quả bơ và dầu đậu nành	300mg	Uống	Viên	Viên	BDG/1/2/3/4/5	
108	Dexpanthenol	100mg	Uống	Viên	Viên	BDG/1/2/3/4/5	
109	Doxycyclin	100mg	Uống	Viên	Viên	BDG/1/2/3/4/5	
110	Hydroxycloquin	200mg	Uống	Viên	Viên	BDG/1/2/3/4/5	
111	Kali clorid	600mg	Uống	Viên	Viên	BDG/1/2/3/4/5	
112	Minoxidil	5% x 60ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/lọ	BDG/1/2/3/4/5	
113	Vitamin E	400mg	Uống	Viên	Viên	BDG/1/2/3/4/5	
114	Gliclazide	30mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	1/2/3/4/5	
115	Dydrogesterone	10mg	Uống	Viên	Viên	BDG/1/2/3/4/5	
116	Alpha chymotrypsin	4,2mg	Uống	Viên	Viên	2/4	

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm	Ghi chú
117	Donepezil hydrochloride	5mg	Uống	Viên	Viên	BDG/1/3/4/5	
118	Ibuprofen + Paracetamol	200mg + 500mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/ lọ/ ống/ gói	BDG/1/2/3/5	
119	Olanzapin	5 mg	Uống	Viên	Viên	BDG/1/2/4/5	
120	Zopiclon	7,5mg	Uống	Viên	Viên	BDG/1/2/3/4/5	
121	Calci carbonat (tương đương 600mg Calci) + Mangan sulfat (tương đương 1,8mg Mangan) + Magnesi oxid (tương đương 40mg Magnesi) + Kẽm oxid (tương đương 7,5mg Kẽm) + Đồng (II) oxid (tương đương 1mg Đồng) + Cholecalciferol (vitamin D3) (loại 100 000 IU/g, tương đương 200 IU Cholecalciferol) + Natri borat (tương đương 250µg Boron)	1500mg + 6,65mg + 80mg + 11,2mg + 1,5mg + 3,0mg + 4,0mg	Uống	Viên	Viên	5	
122	Piracetam + Vincamin	400mg + 20mg	Uống	Viên nang	Viên	4	
123	Aciclovir	5% x 5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Ống/ tuýp	4	
124	Acid Fusidic + Hydrocortison acetat	(20mg/g + 10mg/g)x15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Ống/ tuýp	1	
125	Albendazole	200mg	Uống	Viên	Viên	2	
126	Aluminium phosphate 20% gel	12,38g/gói 20g	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/ lọ/ ống/ gói	BDG	
127	Amitriptylin hydroclorid	25mg	Uống	Viên	Viên	2	
128	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	200mg/5ml x 15ml	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/lọ/ống/gói	BDG	
129	Betamethason	0,05%/ x 30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/ lọ/ ống/ tuýp	2	
130	Bromfenac natri hydrat	1mg/ml x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	BDG	
131	Carboxymethylcellulose natri (medium viscosity) + Carboxymethylcellulose natri (high viscosity) + Glycerin	(3,25mg + 1,75mg + 9mg)/ml x 0,4ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/ lọ/ ống	1	
132	Desmopressin (dưới dạng Desmopressin acetat)	0,089mg (0,1mg)	Uống	Viên	Viên	BDG	
133	Eperison HCl	50mg	Uống	Viên	Viên	2	
134	Furosemid	40mg	Uống	Viên	Viên	4	
135	Indomethacin	0,1% x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	1	
136	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml x 3ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bút tiêm	BDG	

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm	Ghi chú
137	Insulin lispro (trong đó 25% là dung dịch insulin lispro và 75% là hỗn dịch insulin lispro protamine)	300U (tương đương 10,5mg)/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bút tiêm	BDG	
138	Itoprid hydrochlorid	50mg	Uống	Viên	Viên	BDG	
139	Liraglutide	18mg/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bút tiêm	BDG	
140	Loteprednol etabonat	0,5% (5mg/ ml) x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	1	
141	Metronidazol + Neomycin sulfate + Nystatin	500mg + 65000 IU + 100000 IU	Đặt âm đạo	Viên đặt âm đạo	Viên	1	
142	Natri Carboxymethyl cellulose	0,5% x15ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	1	
143	Natri diquafosol	150mg/5ml x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	BDG	
144	Natri hyaluronat	1mg/ml x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	1	
145	Ofloxacin	0,3%	Tra mắt	Thuốc tra mắt	Chai/ lọ/ ống/ tuýp	1	
146	Ofloxacin	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/ lọ/ ống	BDG	
147	Pantoprazol	20mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	1	
148	Rebamipide	100mg	Uống	Viên	Viên	1	
149	Repaglinide	1mg	Uống	Viên	Viên	1	
150	Spironolacton	25mg	Uống	Viên	Viên	2	
151	Terbinafine hydrochloride 150mg/15g	150mg/15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Ống/ tuýp	2	
152	Trihexyphenidyl hydroclorid	2 mg	Uống	Viên	Viên	2	
153	Duloxetine	30mg	Uống	Viên nang	Viên	4	
154	Ivabradin	2,5mg	Uống	Viên	Viên	1	
155	Olmesartan medoxomil	20mg	Uống	Viên	Viên	1	
156	Deflazacort	6mg	Viên	Viên	Viên	1	
157	Oxybutynin	5mg	Viên	Viên	Viên	4	
158	Trimebutin maleat	300mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	2	
159	Sắt gluconate	300mg	Uống	Viên	Viên	1	
160	Ubidecarenone (Coenzym Q10) + Vitamin E (D-alpha tocopheryl acetate)	50mg + 250IU	Uống	Viên nang	Viên	4	



STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm	Ghi chú
161	Sodium hyaluronate	25mg	Tiêm trong khớp	Thuốc tiêm	Ông/Xylan	1	
162	Fosfomycin calcium hydrate	500mg	Uống	Viên	Viên	BDG/1/4	
163	Gôm guar + Magnesi hydroxyd + Nhôm oxyd hydrat hóa + Nhôm phosphat hydrat hóa	(200mg + 500mg + 500mg + 300mg)/20ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/gói	1	
164	Quetiapin	200mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	3	
165	Simethicon + Than hoạt tính	45mg + 140mg	Uống	Viên nang	Viên	1	
166	Mirtazapin	15mg	Uống	Viên hòa tan nhanh	Viên	1/4	
167	L-Ornithin - L- aspartat	250mg	Uống	Viên nang	Viên	4	
168	Risperidone	2mg	Uống	Viên	Viên	1	
169	Pitavastatin	2mg	Uống	Viên	Viên	1/4	
170	Chất ly giải vi khuẩn đông khô tiêu chuẩn 40mg tương đương chất ly giải vi khuẩn đông khô của Haemophilus influenzae, Streptococcus (Diplococcus) pneumoniae, Klebsiella pneumoniae ssp. pneumonia và ssp. ozaenae, Staphylococcus aureus, Streptococcus pyogenes và sanguinis (viridans), Moraxella (Branhamella/ Neisseria) catarrhalis 7mg	Chất ly giải vi khuẩn đông khô tiêu chuẩn 40mg tương đương chất ly giải vi khuẩn đông khô của Haemophilus influenzae, Streptococcus (Diplococcus) pneumoniae, Klebsiella pneumoniae ssp. pneumonia và ssp. ozaenae, Staphylococcus aureus, Streptococcus pyogenes và sanguinis (viridans), Moraxella (Branhamella/ Neisseria) catarrhalis 7mg	Uống	Viên nang	Viên	BDG	
171	Diltiazem	30mg	Uống	Viên	Viên	BDG/1/2/3	
172	Diltiazem	60mg	Uống	Viên	Viên	BDG/1/2/3	
173	Semaglutide	2mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Bút tiêm	BDG	
174	Semaglutide	4mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Bút tiêm	BDG	
175	Losartan	50mg	Uống	Viên	Viên	BDG/2/3	
176	Perindopril +Indapamide+Amlodipin	5mg + 1,25mg + 5mg	Uống	Viên	Viên	1	
177	Naftidrofuryl	200mg	Uống	Viên	Viên	1/4	
178	Cilostazol	50mg	Uống	Viên	Viên	1/2	
179	Cilostazol	100mg	Uống	Viên	Viên	1/2	
180	Pramipexole	0,18mg	Uống	Viên	Viên	1/2	
181	Citicoline	500mg	Uống	Viên	Viên	1/2	

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm	Ghi chú
182	Mirabegron	50mg	Uống	Viên	Viên	BDG	
183	Azathioprine (AZA)	50mg	Uống	Viên	Viên	1/2	
184	Fosfomycin (dưới dạng Fosfomycin Ca Hydrat)	500mg (Potency)	Uống	Viên	Viên	BDG	
185	Ethambutol hydroclorid	400mg	Uống	Viên	Viên	3/4	
186	Pyrazinamide	500mg	Uống	Viên	Viên	4	
187	Nicotinamid	500mg	Uống	Viên	Viên	4	
188	Oxytetracyclin HCl + Polymycin B Sulfate + Nystatin + Natri phosphat	(100mg + 12,3mg + 1.000.000 IU + 10mg)/ 326mg	Nhỏ tai	Thuốc nhỏ tai	Chai/ lọ/ ống	1	
189	L-cystin + Lưu huỳnh kết tủa + Retino (dưới dạng Retinol acetat bao) + Nấm men Saccharomyces cerevisiae	72,6mg + 22 mg + 1650 IU + 77,40mg	Uống	Viên	Viên	1	
190	Paracetamol	80mg	Đặt hậu môn/ trực tràng	Thuốc đặt hậu môn/ trực tràng	Viên	1	
191	Paracetamol	80mg	Uống	Bột/ cốm/ hạt pha uống	Chai/ lọ/ ống/ gói	1	
192	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bút tiêm	BDG	
193	Cao khô lá thường xuân	700mg/100ml x 85ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/ lọ/ ống/ gói	4	
194	Paracetamol + Tramadol HCl	325mg + 37,5mg	Uống	Viên	Viên	1/2	
195	Pinene + Camphen + Cineol + Fenchone + Borneol + Anethol	31mg + 15mg + 3mg + 4mg + 10mg + 4mg	Uống	Viên	Viên	1/2/3/4/5	
196	Pinene + Camphen + Cineol + Menthone + Menthol + Borneol	17mg + 5mg + 2mg + 6mg + 32mg + 5mg	Uống	Viên	Viên	1/2/3/4/5	
197	Men Saccharomyces boulardii đông khô	$2,5 \times 10^9$ tế bào/250mg	Uống	Viên	Viên	1	

CÔNG TY:
ĐỊA CHỈ:
MÃ SỐ THUẾ:
SỐ ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh - Cơ sở 2
Địa chỉ: 201 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh
Theo thư mời chào giá số/BVĐHYD-CS2 ngày ... tháng ... năm ... của Bệnh viện về việc mời chào giá Cung cấp thuốc tại Nhà thuốc Cơ sở 2 năm 2026 (lần 1) Công ty chúng tôi báo giá như sau:

STT	STT theo TB chào giá	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	SDK/ GPNK	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	ĐVT	Nhóm	Đơn giá có VAT (VND)	Thuốc kê đơn (X)	Giá bán buôn dự kiến (VND)	THÔNG TIN TRÚNG THẦU				Ghi chú
																Chủ đầu tư	Số E-TBMT	Số quyết định - ngày QĐ	Đơn giá trúng thầu (VND)	

- Yêu cầu báo giá
- + Báo giá này có hiệu lực tháng kể từ ngày ký
- + Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.
- + Chúng tôi cam kết đáp ứng về điều kiện thanh toán theo yêu cầu tại thư mời chào giá
- + Các yêu cầu khác:



Ngày ... tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)

